

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B PHỦ
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2024/HSST

Ngày: 21 - 8 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B PHỦ, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Ông Trịnh Duy Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B Phủ, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B Phủ tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B Phủ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 168/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2024/HSST-QĐ ngày 02/8/2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lầu A T.** Không có tên gọi khác.

Sinh ngày: 01/01/1976 tại tỉnh B;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản H, xã P, huyện Đ, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 0/12; Con ông: Lầu Chừ P, con bà: Vàng Thị S (Đã chết); Vợ: Giàng Thị K, con: Bị cáo có 08 người con, lớn nhất sinh năm: 1990, nhỏ nhất sinh năm: 2018. Tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 29/4/2022 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố B Phủ xét xử và xử phạt 01 năm 01 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 17/01/2023 bị cáo đã chấp hành xong Bản án. Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/12/2023, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

2. Họ và tên: **Hạng A D.** Không có tên gọi khác.

Sinh ngày: 07/8/1990 tại tỉnh B;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản H, xã P, huyện Đ, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12 phổ thông; Con ông: Hạng Khua G, con bà: Sinh Thị S. Vợ: Sùng Thị Đ (Đã L hôn), con: Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án. Ngày 08/9/2022 bị Toà án nhân dân thành phố B Phủ xét xử và xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 04/8/2023 bị cáo đã chấp hành xong Bản án. Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/12/2023, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Hạng Thị L; Địa chỉ: Bản T, xã H, huyện M, tỉnh B (Vắng mặt).

Chị Hạng Thị V; Địa chỉ: Bản TC, xã N, huyện Đ, tỉnh B (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 28/12/2023, Lầu A T đi bộ từ nhà đến công trường Trung học cơ sở Võ Nguyên Giáp thuộc bản Đông Mệt, xã Pá Khoang, thành phố B Phủ, tỉnh B thì gặp Hạng A D đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS, BKS 27U1- 045.09 đi theo hướng ngược chiều. T rủ D chở lên bản Lọng Luông 1, xã Mường Phăng để tìm mua ma túy sử dụng thì D đồng ý. D nói nếu mua được ma túy thì cho D cùng sử dụng, T nhất trí. Trên đường đi, D rẽ vào đồ xăng tại cây xăng thuộc bản Trung Tâm, xã Mường Phăng, T là người trả tiền xăng xe hết 10.000 đồng. Sau đó cả hai tiếp tục đi đến giữa bản Lọng Luông 1, xã Mường Phăng thì D dừng xe lại, còn T một mình đi bộ vào trong bản, gặp và mua của một người phụ nữ không quen biết được một gói ma túy có đặc điểm gói ngoài bằng mảnh nilon màu hồng, bên trong có các cục chất bột màu trắng đục với giá 50.000 đồng. Mua được ma túy, T quay lại chỗ D đứng chờ, cả hai đi ra phía sau nhà vệ sinh của một nhà dân ở gần đó để sử dụng ma túy. Tại đây, T cầu một ít ma túy trong gói T vừa mua được chia cho D, D nhặt ở dưới đất một mảnh giấy bạc đã bị đốt dở để gói số ma túy lại. Vào hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày, khi các bị cáo chưa kịp sử dụng ma túy thì bị tổ công tác Công an xã Mường Phăng phát hiện, cả T và D đều thả gói ma túy đang cầm trên tay xuống đất. Sau khi được vận động, T tự giác nhặt ở dưới đất một gói nilon màu hồng, bên trong chứa ma túy, D cũng tự giác nhặt ở dưới đất gói giấy bạc màu trắng bên trong chứa ma túy, để giao nộp. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng và phương tiện. Các bị cáo khai đó là ma túy, loại Heroine, mua với mục đích để bản thân sử dụng.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 18 giờ 35 phút, ngày 28/12/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B Phủ và kết luận giám định số 160/KL-KTHS ngày 04/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B kết luận: Mẫu cục chất bột màu trắng đục gửi giám định thu giữ của bị cáo Lầu A T là ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,08 gam. Mẫu cục chất bột màu trắng đục gửi giám định thu giữ của bị cáo Hạng A D là ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,02 gam.

Tại bản cáo trạng số 56/CT-VKS-TPĐBP ngày 10/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B Phủ đã truy tố bị cáo Lầu A T về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS, truy tố bị cáo Hạng A D về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B Phủ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lầu A T và Hạng A D về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58/BLHS, xử phạt bị cáo Lầu A T từ 17 tháng đến 20 tháng tù. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58/BLHS, xử phạt bị cáo Hạng A D từ 14 tháng đến 17 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 0,013 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 mảnh nilon màu hồng, 01 mảnh giấy bạc đốt dở; Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lầu A T và Hạng A D không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B Phủ.

Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của các bị cáo bị truy tố: Hồi 11 giờ 30 phút ngày 28/12/2023 tại bản Lọng Luông 1, xã Mường Phăng, thành phố B Phủ, tỉnh B, Lầu A T có hành vi cất giấu trái phép 0,08 gam Heroine, Hạng A D cất giấu trái phép 0,02 gam Heroine với mục đích để các bị cáo sử dụng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 12 giờ 15 phút ngày 28/12/2023, biên bản niêm phong vật chứng, biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 18 giờ 35 phút, ngày 28/12/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B Phủ và kết luận giám định số 160/KL-KTHS ngày 04/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, với mục đích để sử dụng của bị cáo Lầu A T là phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS. Đối với bị cáo Hạng A D là phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tuy nhiên, việc Kiểm sát nhân dân thành phố B Phủ truy tố bị cáo Hạng A Duy về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm a (Đã bị kết án về tội này, mà chưa được xóa án tích mà còn vi phạm) khoản 1 Điều 249/BLHS là chưa đúng bởi lẽ: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như việc xét

hỏi công khai tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định:

Khi T đi tìm mua ma túy về để bản thân sử dụng, đã rủ D cùng đi mua, D đồng ý và dùng phương tiện của mình để chở T đi mua ma túy, hai bị cáo cùng thống nhất nếu T mua được sẽ cho D sử dụng ma túy cùng. Do vậy D đã đồng phạm cùng với T với vai trò giúp sức ngay từ khi chở T đi mua ma túy, nên D phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng khối lượng ma túy mà T đã mua được. Việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố B Phủ xác định bị cáo D chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng ma túy mà T chia cho D là 0,02 gam Heroine là không đúng, mà bị cáo D phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng ma túy mà bị cáo T đã mua là 0,1 gam Heroine. Do vậy, căn cứ vào giới hạn của việc xét xử, Hội đồng xét xử sẽ xét xử bị cáo Hạng A D theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS, khác với điểm mà viện kiểm sát đã truy tố là điểm a khoản 1 Điều 249/BLHS.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51/BLHS. Bị cáo Lầu A T và Hạng A D đều đã bị kết án, chưa được xóa án tính mà lại thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý, nên các bị cáo phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo là hình phạt tù, cách L các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để các bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Trong quá trình cùng nhau thực hiện tội phạm, các bị cáo T và D khi thực hiện hành vi phạm tội không có sự câu kết chặt chẽ, không phân công vai trò trách nhiệm cụ thể nên các bị cáo phạm tội không có tổ chức. Bị cáo T là người khởi sự và là người bỏ tiền ra mua ma túy, trực tiếp đi mua ma túy, nên là người thực hành và có vai trò chính. Bị cáo D dùng phương tiện của mình chở bị cáo T đi mua ma túy. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét đến vai trò của từng bị cáo.

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố B Phủ, tỉnh B truy tố các bị cáo Lầu A T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS, là hoàn toàn đúng người, đúng tội. Còn bị cáo Hạng A D bị truy tố về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 249/BLHS là đúng quy định, tuy nhiên việc truy tố bị cáo ở điểm a là chưa đúng.

Các bị cáo là người nghiện ma túy, đều nhận thức rõ hành vi cất giấu trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, với khối lượng ma túy mà các bị cáo đã tàng trữ thì mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố B Phủ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B Phủ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS thì ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của các bị cáo là làm ruộng và lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Đối với người phụ nữ không quen biết đã bán ma túy cho bị cáo T, bị cáo không biết họ, tên, địa chỉ của người này, cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Vật chứng: Đối với 0,013 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định) là vật nhà nước cấm tàng trữ, 01 mảnh nilon màu hồng, 01 mảnh giấy bạc đốt dở, là vật không còn giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda WAVE RS, BKS 27U1 - 045.09 kèm theo chìa khóa xe. Quá trình điều tra và tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định chiếc xe mô tô trên thuộc sở hữu của chị Hạng Thị L, Cơ quan điều tra đã trao trả chiếc xe mô tô trên cho chị L, sau khi nhận lại tài sản, chị L không có khiếu nại gì, xét việc trao trả này là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58/BLHS. Khoản 2 Điều 298/BLTTHS.

- Tuyên bố bị cáo Lầu A T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".
- Tuyên bố bị cáo Hạng A D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".
- Xử phạt bị cáo Lầu A T 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (28/12/2023).
- Xử phạt bị cáo Hạng A D 01 (Một) năm 05 (Năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (28/12/2023).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106/BLTTHS, tịch thu tiêu hủy 0,013 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 mảnh nilon màu hồng, 01 mảnh giấy bạc bị cháy dở (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/4/2024 giữa Công an thành phố B Phủ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B Phủ, tỉnh B*).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333/BLTTHS, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 21/8/2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các Bị cáo;
- VKSNDTPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh B;
- HS Thi hành án HS;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành

